

Bản án số: 65/2024/DS-ST
Ngày 26-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Lát

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Gia An, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Âu Hoàng Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N1. Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, TP . Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài P, chức vụ: Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã V. Địa chỉ: Số D đường N, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Bà La Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

2. Chị Cao Thị N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

3. Cháu Huỳnh Thị Như Ý, sinh năm 2007 (vắng mặt)

Người giám hộ cho cháu Như Ý: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt), ông T là ông nội của cháu Như Ý.

4. Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1992 (vắng mặt)

5. Cháu Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 2008 (vắng mặt)

Người giám hộ cho cháu Hồng H: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1972 (vắng mặt), ông T là ông nội của cháu H.

Cùng địa chỉ: khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201701165. Theo Hợp đồng, Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N1) đã cho vợ chồng ông T, bà L vay số tiền: 350.000.000 đồng; mục đích vay: nuôi tôm; lãi suất tại thời điểm vay vốn: 10.5%/năm; thanh toán trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 05 kỳ, 12 tháng/kỳ; thời hạn vay là 60 tháng.

Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201701165 ngày 05/12/2017 trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp số 7606-LCP201300526 ngày 29/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 01/2017/PLHĐTC ngày 05/12/2017, được ký kết giữa vợ chồng ông T, bà L và Ngân hàng N1, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 376805, có diện tích 6.300m² (loại đất: đất trồng lúa); thửa đất số: 485; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho ông Huỳnh Văn T ngày 20 tháng 01 năm 2010 và tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 376806, có diện tích 12.935m² (loại đất: đất trồng lúa); thửa đất số: 51; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho ông Huỳnh Văn T ngày 20 tháng 01 năm 2010.

Sau khi nhận vốn vay, đến ngày 02/02/2018 bị đơn vợ chồng ông T, bà L chỉ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền lãi 6.125.000 đồng. Tính đến hết ngày 26/4/2024, tổng nợ của vợ chồng ông T, bà L tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng là 642.268.220 đồng, trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 229.058.219 đồng và lãi quá hạn 63.210.001 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu vợ chồng ông T, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nhưng vợ chồng ông T, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N1, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N1, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng N1.

Nay Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L liên đới thanh toán cho Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền là 642.268.220 đồng, trong đó: Nợ

gốc là 350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 229.058.219 đồng và lãi quá hạn 63.210.001 đồng.

Đồng thời, vợ chồng vợ chồng ông T, bà L còn phải liên đới tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/4/2024 cho đến khi vợ chồng ông T, bà L trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N1.

Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng rút lại việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 7606-LCP201300526 ngày 29/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 01/2017/PLHĐTC ngày 05/12/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 22/02/2024, bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N1. Ông thừa nhận ông và bà La Thị L (vợ của ông) còn nợ Ngân hàng N1 đến ngày 22 tháng 02 năm 2024 là: 631.117.083 đồng, trong đó: Nợ gốc: 350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 225.706.250 đồng và nợ lãi quá hạn là 55.410.833 đồng.

Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông cùng gia đình sẽ bàn bạc để kiếm người chuyên nhượng đất, cho nên đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông thanh toán số nợ trên trong thời hạn 01 năm.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng N1 không đồng ý theo phương án thanh toán của bị đơn nêu trên, vì số tiền nợ gốc và lãi của bị đơn đã qua nhiều năm.

Đối với bị đơn bà La Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Văn T1, chị Cao Thị N, anh Huỳnh Văn T2, cháu Huỳnh Thị Như Ý và cháu Huỳnh Thị Hồng H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đều vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai mặt dù Tòa án đã triệu tập họp lệ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua xem xét đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy: Việc nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng N1 số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là 642.268.220 đồng, trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 229.058.219

đồng và lãi quá hạn 63.210.001 đồng là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, vợ chồng ông T, bà L còn phải liên đới tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 27/4/2024 cho đến khi vợ chồng ông T, bà L thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc nguyên đơn Ngân hàng N1 – V rút lại yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7606-LCP201300526 ngày 29/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 01/2017/PLHĐTC ngày 05/12/2017 không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt, riêng đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[3.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn rút lại yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7606-LCP201300526 ngày 29/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 01/2017/PLHĐTC ngày 05/12/2017 được ký kết giữa bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn T và bà La Thị L với Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Việc nguyên đơn rút lại yêu cầu phát mãi tài sản nêu trên là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn: Vào ngày 05/12/2017, vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L có ký hợp đồng tín dụng số 7606LAV201701165 với Ngân hàng N1 để vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Cách thức thanh toán nợ là vợ chồng ông T, bà L phải trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc 05 kỳ, 12 tháng/kỳ.

Xét thấy, các bên tiến hành giao kết Hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng, vợ chồng ông T, bà L đã nhận đủ số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 05/12/2017 sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến ngày 05/12/2022 là đợt cuối cùng để vợ chồng ông T, bà L thanh toán nợ gốc và lãi nhưng vợ chồng ông T, bà L không thực hiện, cho nên vợ chồng ông T, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201701165 ngày 01/10/2018 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc 350.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Ngân hàng N1 yêu cầu vợ chồng ông T, bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền lãi trong hạn 229.058.219 đồng, thời hạn từ 03/02/2018 đến 26/4/2024 với mức lãi suất là 10,50%/năm của vốn gốc 350.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 63.210.001 đồng, thời hạn từ ngày 06/12/2018 đến ngày 26/4/2024 với mức lãi suất là 150% của lãi suất trong hạn đối với vốn gốc 350.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N2 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này...”. Xét thấy, theo Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201701165 ngày 05/12/2017 thì Ngân hàng và vợ chồng ông T, bà L thỏa thuận lãi suất cho vay là 10,50%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm của lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nêu trên. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi vay mà vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng là 642.268.220 đồng, trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 229.058.219 đồng và lãi quá hạn 63.210.001 đồng.

[7] Về khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Kể từ ngày 27/4/2024, vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký số 7606LAV201701165 ngày 05/12/2017 cho đến khi vợ chồng ông T, bà L trả hết nợ gốc.

[8] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 376805, diện tích 6.300m² (loại đất: đất trồng lúa); thửa đất số: 485; tờ bản đồ số 02 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 376806, diện tích 12.935m² (loại đất: đất trồng lúa); thửa đất số: 51; tờ bản đồ số 02, cùng tọa lạc tại khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp cho ông Huỳnh Văn T ngày 20/01/2010, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên hiện Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng đang giữ và quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vợ chồng ông T,

bà L cũng không có yêu cầu gì đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những cơ sở phân tích tại các mục số [3], [4], [5], [6], [7] và [8] nêu trên, xét thấy lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[11] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải liên đới chịu số tiền là 750.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông T, bà L phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng N1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 325, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L liên đới thanh toán tổng số tiền là 642.268.220 đồng, trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 229.058.219 đồng và lãi quá hạn 63.210.001 đồng của Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201701165 ngày 05/12/2017.

- Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L liên đới thanh toán cho Ngân hàng N1 tổng số tiền 642.268.220 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm hai mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 229.058.219 đồng và lãi quá hạn 63.210.001 đồng.

2. Kể từ ngày 27/4/2024, vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà vợ chồng ông T, bà L phải tiếp tục liên đới thanh toán cho Ngân hàng N1 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N1.

3. Đình chỉ việc đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 7606-LCP201300526 ngày 29/11/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 01/2017/PLHĐTC ngày 05/12/2017, được ký kết giữa vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L với Ngân hàng N1 – Chi nhánh thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng N1 không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.962.316 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008518 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 29.690.728 đồng.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà La Thị L phải liên đới chịu số tiền là 750.000 đồng. Số tiền này do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước, do đó vợ chồng ông T, bà L phải có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền trên cho Ngân hàng N1.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Đua